TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2022
V/v "*Tranh chấp xác nhận cha cho con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Văn Nhâm

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ– Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp xác nhận cha cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn K - sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị N - sinh năm 1929 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Ngọc T - sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Đoàn Ngọc C - sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày: Bà Trịnh Thị N là mẹ ruột của ông Trần Văn K. Năm 1961, bà N kết hôn và chung sống với ông Trần K cho đến năm 1969 thì ông Trần K chết. Năm 1971, bà N tái giá và chung sống như vợ chồng với ông Đoàn H - sinh năm 1919 tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Bà N và ông Đoàn H có với nhau 01 người con chung là ông Trần Văn K – sinh năm 1975. Bà N và ông Đoàn H chung sống với nhau đến năm 1981 thì bà N không còn chung sống với ông Đoàn H nữa. Trong thời gian trước đây bà N nói với ông K rằng cha của ông K là ông Trần K, nên ông K đăng ký khai sinh với họ và tên cha là Trần K. Nay bà N xác định sự thật cha của ông K là ông Đoàn H chứ không phải ông Trần K. Vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông K cho đúng nguồn cội người sinh ra ông K.

Bị đơn là bà Trịnh Thị N trình bày: Bà Trịnh Thị N và ông Đoàn H có 01 người con chung là ông Trần Văn K. Nay bà Ngọc thừa nhận ông Trần Văn K là con ruột của ông Đoàn H chứ không phải là con của ông Trần K. Bà N đồng ý với yêu cầu của ông K về việc yêu cầu xác nhận ông Đoàn H là cha của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Ngọc T trình bày: Ông T là con ruột của ông Đoàn H và bà Lê Ngọc C. Bà C chết vào năm 1968. Năm 1971, cha của ông T là ông Đoàn H có chung sống như vợ chồng với bà Trịnh Thị N. Trong thời gian bà N và ông Đoàn H chung sống với nhau, hai người có với nhau 01 người con chung tên là ông Trần Văn K – sinh năm 1975. Năm 1981, bà N không còn chung sống với ông Đoàn H nữa mà dắt ông K vào miền nam sinh sống và mất liên lạc với gia đình ông Đoàn H cho đến nay. Hiện nay, ông K đã về lại quê hương nhận người thân huyết thống và đoàn tụ gia đình. Nay ông T xác nhận ông K là con ruột của ông Đoàn H, là em cùng cha khác mẹ với ông T. Ông T đề nghị Tòa án xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông Trần Văn K để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Ngọc C trình bày: Ông C là con ruột của ông Đoàn H và bà Lê Ngọc C. Bà C chết vào năm 1968. Năm 1971, cha của ông C là ông Đoàn H có chung sống như vợ chồng với bà Trịnh Thị N. Trong thời gian bà N và ông Đoàn H chung sống với nhau, hai người có với nhau 01 người con chung tên là ông Trần Văn K – sinh năm 1975. Năm 1981, bà N không còn chung sống với ông Đoàn H nữa mà dắt ông K vào miền nam sinh sống và mất liên lạc với gia đình ông Đoàn H cho đến nay. Hiện nay, ông K đã về lại quê hương nhận người thân huyết thống và đoàn tụ gia đình. Nay ông C xác nhận ông K là con ruột của ông Đoàn H, là em cùng cha khác mẹ

với ông C. Ông C đề nghị Tòa án xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông Trần Văn K để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự về cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Khôi, xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông Trần Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đoàn H đã chết, nhưng bà Trịnh Thị N là mẹ ruột của ông Trần Văn K đã xác nhận ông Trần Văn K là con chung của bà Trịnh Thị N và ông Đoàn H. Ngoài ra, còn có 02 người con ruột của ông Đoàn H là ông Đoàn Ngọc T và ông Đoàn Ngọc C cùng xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông Trần Văn K; ông T và ông C là anh cùng cha khác mẹ với ông Trần Văn K. Xét thấy, từ những chứng cứ trên đã có đủ căn cứ xác định ông Đoàn H và ông Trần Văn K có quan hệ cha, con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, xác nhận ông Đoàn H là cha ruột của ông Trần Văn K.

[2] Về án phí: Bà Trịnh Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xác nhận ông Đoàn H - sinh năm 1919 (đã chết vào ngày 29/10/2006) là cha ruột của ông Trần Văn K.

Ông Trần Văn K liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cải chính, đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trịnh Thị N.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Lang Minh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nguyệt